

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI NĂM HỌC 2022-2023

DVT: đồng

STT	Chi tiết	Số dư đầu kỳ	Thu	Chi	Còn lại
I	Dự toán chi nguồn học phí				
1	Học phí công lập		1.598.915.169	1.416.056.565	182.858.604
II	Dự toán chi thỏa thuận				
1	Buổi 2		4.562.784.489	3.985.360.334	577.424.155
2	Bán trú		591.514.400	499.849.400	91.665.000
3	TCTA		402.149.000	338.114.000	64.035.000
4	TABN		1.296.808.661	1.070.164.844	226.643.817
5	Tin học MOS		591.160.000	513.832.036	77.327.964
III	Thu hộ chi hộ				
1	Thu hộ K12 online	38.340.000	-	-	38.340.000
2	Sổ LLDT	197.185.000	6.713.780	207.165.566	(3.266.786)
3	Ăn phẩm ăn chi	222.108.360	8.830.000	80.874.900	150.063.460
4	BHYT học sinh	11.794.893	18.066.680	27.128.430	2.733.143
5	BHTN học sinh	7.890.000	810.000	-	8.700.000
6	Tiền điện và suất ăn bán trú, thiết bị		586.201.976	510.858.202	75.343.774
7	Điện nước dịch vụ	123.519.800	20.383.200	79.031.087	64.871.913
8	Thu chi hộ nước học sinh	101.178.780	204.952.050	97.066.000	209.064.830
IV	Thu khác				
1	Thu dịch vụ (căn tin + bãi xe) nộp thuế 10%; còn lại 40% trích CCTL, 60% trích quỹ PTSN	-	420.000.000	84.033.000	335.967.000
2	Thu dịch vụ khu TĐTT		42.000.000	-	42.000.000
	Tổng	-	-		

Kế toán

Nguyễn Thị Thắm



Lưu trường đơn vị

Trần Thị Bích

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN CHI NĂM HỌC 2022-2023

dvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nội dung chi	Ghi chú
I	Dự toán chi học phí	1.416.056.565	
1	Chi thanh toán cá nhân	853.438.444	
a	Lương hợp đồng	853.438.444	
b	Phụ cấp giáo viên	0	
c	Phụ cấp gián tiếp	0	
d	Phụ cấp nhân viên	0	
e	Trực nghề, câu lạc bộ	0	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn (hoạt động thường xuyên...)	360.237.421	
3	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	67.613.990	
4	Chi khác (TNTT)	134.766.710	
II	Dự toán chi buổi 2	3.985.360.334	
1	Chi thanh toán cá nhân	3.249.717.342	
1.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy	1.131.790.000	
1.2	Bồi dưỡng GV dạy học sinh giỏi	129.800.000	
1.3	Dạy phụ đạo học sinh	45.000.000	
1.4	Dạy các môn câu lạc bộ, tự chọn...(đơn giá * số tiết)	44.250.000	
1.5	Thỉnh giảng, hợp đồng khoán	104.800.000	
1.6	Công tác GVCN	22.815.000	
1.7	Giáo viên làm công tác kiêm nhiệm	76.150.000	
1.8	Công tác sao in đề kiểm tra tập trung, tổ chức kiểm tra tập trung, xếp thời khóa biểu, chấm trắc nghiệm, tư vấn tuyển sinh	153.140.000	
1.9	Sinh hoạt chuyên đề	11.582.000	
1.10	Chi hợp phụ huynh, điện thoại công vụ	70.525.000	
1.11	Công tác thao giảng cụm và trường bạn, hợp chuyên môn (trừ trường hợp đã được khoán công tác phí)	4.540.000	
1.12	Chi khen thưởng, bồi dưỡng, hoạt động phong trào thi đấu TDQP	80.050.000	
1.13	Công tác giáo dục học sinh	986.976.000	
1.14	Khác (chi phí hoạt động thường xuyên khác)	388.299.342	
2	Bộ phận gián tiếp	625.711.886	
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	3.545.001	
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	106.386.105	
III	Dự toán chi bán trú	499.849.400	
1	Chi thanh toán cá nhân	281.284.400	
1.1	Chi cho GV-NV trực tiếp phục vụ bán trú	221.300.000	



1.3	Khác (chi phí hoạt động thường xuyên khác)	34.718.400	
2	Bộ phận gián tiếp	192.450.000	
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	100.000	
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	26.015.000	
IV	Dự toán chi TCTA	338.114.000	
1	Chi thanh toán cá nhân	175.083.500	
1.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy	124.551.500	
1.2	Công tác giáo dục học sinh	50.532.000	
2	Bộ phận gián tiếp	158.900.000	
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	4.130.500	
V	Dự toán chi TABN	1.070.164.844	
1	Chi thanh toán cá nhân	831.633.343	
1.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy	772.679.343	
1.2	Công tác giáo dục học sinh	58.954.000	
1.3	Khác (chi phí hoạt động thường xuyên khác)	0	
2	Bộ phận gián tiếp	215.400.000	
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	23.131.501	
VI	Dự toán chi Tin học Mos	513.832.036	
1	Chi thanh toán cá nhân	348.461.636	
1.1	Chi cho số tiết trực tiếp giảng dạy	276.874.636	
1.2	Công tác giáo dục học sinh	71.587.000	
1.3	Khác (chi phí hoạt động thường xuyên khác)	0	
2	Bộ phận gián tiếp	153.750.000	
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	
4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	11.620.400	

Kế toán

Nguyễn Thị Thắm



Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Bích

Chú thích: mức thu nhập cá nhân :

Quy ra tháng : Mức cao nhất : 33.345.835 đ

Mức bình quân: 13.616.067 đ

Mức thấp nhất: 5.905.950 đ

Mức thu nhập trên chưa tính:

- TNTT cuối năm

- Các hoạt động giáo dục

- NQ 03